

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12/6/2025

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Đình Hải.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Y Yáo Bkrông và ông Nguyễn Trọng Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nhữ Văn M. Sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Ông M có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T. Sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nhữ Văn M trình bày:

Ông Nhữ Văn M và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư Prông, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/01/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống và tính cách của vợ chồng không hòa hợp, không có sự chia sẻ đồng cảm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông M xin ly hôn bà T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nhữ Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu K đang sinh sống cùng với bà T. Ông M có nguyện vọng giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Ông M không có ý kiến gì.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T, theo Bản tự khai ngày 19/5/2025 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nhữ Văn M và kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư Prông, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/01/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống và tính cách của vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông M xin ly hôn bà T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nhữ Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu K đang sinh sống cùng với bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Bà T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhữ Văn M; cho ông M được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Nhữ Nguyễn Minh K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nhữ Văn M và bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nhữ Văn M và bà Nguyễn Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông M và bà T kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư Prông, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/01/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống và tính cách của vợ chồng không hòa hợp, không có sự chia sẻ đồng cảm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 nay.

Như vậy, hôn nhân giữa ông M và bà T hiện nay mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và bà T cũng đồng ý ly hôn ông M. Do đó, xét yêu cầu của ông M xin được ly hôn bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng ông M, bà T 01 con chung là Nhữ Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu K đang sinh sống cùng với bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và ông M cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận ý kiến và nguyện vọng của các đương sự, giao con chung Nhữ Nguyễn Minh K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông M và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông M được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001164 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của ông Nhữ Văn M. Cho ông Nhữ Văn M được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

[2] Về con chung: Ông Nhữ Văn M và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung là Nhữ Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/7/2014.

+ Giao chung chung Nhữ Nguyễn Minh K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông M, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông M được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001164 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND xã Cư Prông;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải